TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Nghiên cứu Phật giáo Nhân gian và Phật giáo thế kỷ XXI ở Trung Quốc

ISSN: 2734-9195 10:05 19/10/2026

Giới Phật giáo ở hai bờ eo biển dẫu có những cách diễn giải uyển chuyển khác nhau về Phật giáo Nhân gian, nhưng việc giương cao ngọn cờ Phật giáo Nhân gian trong thế kỷ mới chính là nhịp đập tất yếu của thời đại.

Truyền ngọn lửa Phật giáo Nhân gian

Thế kỷ XX, đối với Trung Hoa, châu Á và rộng hơn là cả thế giới, là một thế kỷ đã trải qua những biến đổi to lớn, trời long đất lở. Trung Hoa đã chấm dứt hàng nghìn năm chế độ xã hội phong kiến chuyên chế tập quyền trung ương do hoàng đế đứng đầu, qua con đường chậm chạp và quanh co bước vào xã hội cận hiện đại lấy dân chủ làm dấu hiệu cơ bản.

Mặc dù hiện nay thể chế xã hội ở hai bờ eo biển khác nhau, nhưng đông đảo quần chúng tin rằng dân tộc Trung Hoa đang trải qua sự phục hưng vĩ đại. Trong bối cảnh như vậy, việc nhìn lại lịch sử đã qua và hướng tới viễn cảnh tương lai là một việc làm vô cùng ý nghĩa.

Đề tài mà người viết lựa chọn ở đây rất lớn, phạm vi bao quát rất rộng. Tuy nhiên, người viết không có ý định cũng như không đủ khả năng triển khai đề tài này để bàn luận rộng rãi, mà chỉ xin đưa ra một số suy nghĩ và triển vọng của bản thân về một vài khía cạnh có hứng thú trong số đó.

I. Phật giáo trong thế kỷ mới: *“Phật giáo Nhân gian”* là ngọn cờ định hướng

Trung Hoa vốn là một vùng đất đượm nhuần truyền thống lịch sử và văn hóa lâu đời, nơi Phật giáo từng chiếm giữ một vị trí trọng yếu, lưu dấu những ảnh hưởng sâu rộng, làm phong phú và bồi đắp cho mạch nguồn văn hóa của dân tộc. Thế nhưng, trải qua các giai đoạn hoằng truyền từ thuở ban đầu đến khi phổ biến, bản địa hóa và dung hợp giữa các tông phái, đến cuối triều Thanh, Phật giáo đã dần lộ rõ vẻ già cỗi, trì trệ, thậm chí là hủ hóa. Đứng trước cảnh tượng ấy,

những bậc chân tu thức giả cả xuất gia lẫn tại gia vô cùng trăn trở, từ đó nung nấu quyết tâm chấn hưng Đạo pháp.

Tiên phong trong ngọn lửa ấy là cư sĩ Dương Văn Hội (1837–1911), người đã khai lập Kim Lăng Khắc Kinh Xứ (cơ quan khắc ván và in ấn kinh điển tại Nam Kinh), dốc lòng biên soạn, ấn hành kinh sách và sáng lập các Phật học viện, mở màn cho phong trào chấn hưng Phật giáo cận đại. Tiếp nối dòng chảy đó là sự xuất hiện vang dội của Đại sư Thái Hư (1889–1947) - bậc tôn túc đã đẩy phong trào chấn hưng lên đến đỉnh cao. Năm 1913, khi vừa tròn 25 tuổi, trong bài diễn thuyết tại lễ truy điệu Trưởng lão Kính An (tự Ký Thiền), Đại sư đã gióng lên tiếng chuông chấn động cả trong lẫn ngoài giới Phật giáo với chủ trương "*ba cuộc cách mạng*": gồm tổ chức, tài sản, học lý (sau được chuẩn hóa thành: giáo lý, giáo chế, giáo sản) là cốt lõi của phong trào Phật giáo Nhân gian nhằm canh tân Phật giáo Trung Hoa đầu thế kỷ XX.

Từ đó, Ngài trọn đời dấn thân cho sứ mệnh phục hưng Đạo pháp. Bằng trí tuệ mẫn tiệp và ý chí kiên định, qua những trước tác uyên bác, việc thành lập các hội đoàn Phật giáo, mở trường học, lập báo chí, cho đến việc dìu dắt đệ tử hòa mình vào dòng chảy xã hội để hoằng dương chính pháp..., Ngài đã tạo ra một bước ngoặt vĩ đại, đưa tư tưởng "*Nhân sinh Phật giáo*" hay "*Phật giáo Nhân gian*" - những đóa sen vươn lên từ đời thực - trở thành âm vang mạnh mẽ nhất trong tâm thức Phật giáo Trung Hoa.

Dẫu lịch sử từng trải qua những cuộc chiến tranh tang thương, khói lửa điêu linh cùng vô vàn biến động thăng trầm, xã hội cuối cùng vẫn đạt được những bước phát triển vũ bão và vươn mình vào hàng ngũ các dân tộc tiên tiến trên toàn cầu. Trong lòng Phật giáo, hai đến ba thế hệ ở hai bờ eo biển, sau hơn nửa thế kỷ bền bỉ nung nấu, cuối cùng đã đưa Phật giáo thích ứng hài hòa với nhịp đập của thời đại mới.

1. Từ "*Phật giáo Nhân sinh*" đến "*Phật giáo Nhân gian*"

Năm 1989, Hội Phật giáo Pháp Trụ (Hồng Kông) đã long trọng tổ chức hội nghị học thuật quốc tế kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Pháp sư Thái Hư. Trong bài tham luận mang tựa đề Luận về Nhân sinh Phật giáo gửi đến hội nghị, tác giả đã đúc kết tinh hoa tư tưởng của Ngài thành những điểm cốt lõi sau:

- Thứ nhất, đứng từ góc nhìn tổng thể về Phật giáo hiện đại Trung Quốc, chủ trương Phật giáo phải trân quý đời sống con người, lấy việc tịnh hóa cuộc đời làm nền tảng, đồng thời canh tân toàn diện cả về mặt giáo lý lẫn phương thức tổ chức.

- Thứ hai, đề cao các chuẩn mực đạo đức nền tảng như năm giới (ngũ giới) và mười điều thiện (thập thiện), đồng thời mang lại những cách lý giải mới mẻ, khế hợp với tinh thần thời đại; khuyến khích người con Phật phải có phẩm hạnh cao đẹp, yêu nước yêu dân, cống hiến hết mình cho sự an lạc của quần sinh.

- Thứ ba, chủ trương xây dựng một tăng đoàn kiểu mới, đứng ra khai mở các trường học Phật giáo và sáng lập các ấn phẩm nghiên cứu học thuật uy tín.

Pháp sư Ấn Thuận – vị đệ tử lớn nhiều năm sát cánh cùng Pháp sư Thái Hư trong phong trào chấn hưng – đã kế thừa và nâng tầm tư tưởng ấy lên những tầng cao mới. Ngài nhận thấy hệ thống "*Nhân sinh Phật giá*" của Thái Hư đại sư đôi khi vẫn chưa làm nổi bật trọn vẹn tính chất hiện thực của "*Phật giáo nhân gian*" - nơi Đức Phật và chư Bồ tát hiện diện ngay giữa cõi đời, và con đường tu hành giải thoát cũng nằm trọn trong cuộc sống phàm trần này. Dựa trên bề dày nghiên cứu uyên thâm về Phật giáo Ấn Độ và Trung Hoa, Ngài đã kiến tạo nên một hệ thống lý luận Phật giáo Nhân gian hoàn chỉnh. Trong tác phẩm Du tâm pháp hải lục thập niên (1984), Ngài đã đúc kết tâm nguyện của mình:

"*Đại thừa Phật pháp, tôi lấy tính không làm chủ đạo, kiêm nhiếp Duy thức và Chân thường. Về mặt tinh thần và hành vi, tôi xướng nghị Phật giáo thanh niên và Phật giáo nhân gian...*

Thái Hư đại sư nói 'Nhân sinh Phật giáo' là nhằm nhắm vào căn bệnh trọng quỷ trọng tử của Phật giáo Trung Quốc. Còn tôi, do thấy tình thế Phật giáo Ấn Độ bị thần (thiên) hóa là vô cùng nghiêm trọng, và điều đó cũng ảnh hưởng nặng nề đến Phật giáo Trung Quốc, thế nên tôi không nói 'Nhân sinh' mà nói 'Nhân gian'. Tôi hy vọng Phật giáo Trung Quốc có thể gột bỏ sự thần hóa, quay trở lại với nhân gian thực tế. Tôi giảng Phật giáo Nhân gian..."

Đến năm 1989, trong bài viết Phật giáo Nhân gian khế lý khế cơ (đăng trong Hoa vũ tập, tập 4), khi trực diện đối chiếu với tệ nạn biến chư Bồ tát thành thần linh thời kỳ Đại thừa hậu kỳ, Pháp sư Ấn Thuận đặc biệt xướng minh con đường "*tu học Phật giáo nhân gian – hạnh Bồ tát nhân gian, lấy ba tâm làm gốc*" (gồm: Bồ đề tâm Đại thừa, Đại bi tâm, và Không tính kiến). Qua đó, hoằng dương chính pháp ngay giữa chốn nhân gian trần thế, đem lại phúc báo và niềm an lạc thiết thực cho muôn loài chúng sinh.

Hệ thống tư tưởng uyên áo ấy của hai bậc cao tăng Thái Hư và Ấn Thuận đã trở thành ngọn đuốc soi đường, ảnh hưởng sâu sắc đến giới Phật giáo Đài Loan từ sau năm 1949 cho đến tận hôm nay. Những giáo đoàn lớn mạnh như Phật Quang Sơn, Pháp Cổ Sơn, Hội Công đức Từ Tế... chính là những minh chứng sống động, đạt được vô số thành tựu rực rỡ trong thực tiễn hoằng hóa của Phật

giáo Nhân gian.

Đặc biệt, bậc tôn túc sáng lập Phật Quang Sơn – Pháp sư Tinh Vân – qua kinh nghiệm xương máu và đạo hạnh dấn thân của mình, đã diễn giải lý luận lẫn thực tiễn của Phật giáo Nhân gian từ muôn vàn góc nhìn tinh tế. Qua các trước tác như Tính cách của Phật Quang Sơn, Ảnh hưởng của Phật Quang Sơn đối với Phật giáo, Làm thế nào để trở thành người Phật Quang và Bản vẽ thiết kế của Phật giáo Nhân gian, Ngài đã phác họa một cách rõ ràng, minh bạch và đầy thiết thực con đường đưa đạo Phật vào lòng đời.

Trong khi đó, giới Phật giáo tại Đại lục Trung Quốc cũng giương cao ngọn cờ Phật giáo Nhân gian, nhưng đặt trọng tâm vào việc thích ứng với phương hướng xã hội chủ nghĩa. Đạo phong được chấn chỉnh, các truyền thống tốt đẹp, giá trị đạo đức cùng chuẩn mực hành vi của Phật giáo được tôn vinh, sự nghiệp văn hóa giáo dục được chú trọng phát triển nhằm thực hiện trọn vẹn hạnh nguyện "*trang nghiêm quốc thổ, lợi lạc hữu tình*".

Trong bản báo cáo nhan đề Đoàn kết lại, phát huy truyền thống tốt đẹp của Phật giáo, đóng góp cho việc trang nghiêm quốc thổ và lợi lạc hữu tình đọc tại Đại hội đại biểu lần thứ V của Hội Phật giáo Trung Quốc (1987), cố cư sĩ Triệu Phác Sơ đã thâm thiết chỉ rõ:

"*Tư tưởng lợi sinh của Phật giáo, như nghệ thuật và kỹ năng khéo léo trong Ngũ minh, tinh thần lợi tha trong Tứ nhiếp, chính mạng và chính nghiệp trong Bát chính đạo, cùng với tuệ giác 'tất cả các ngành nghề sinh kế (công, nông, thương) đều là Phật đạo', nối kết cùng truyền thống tốt đẹp 'nông thiền song trọng' (vừa cày cấy vừa thiền định) và nguyên tắc 'Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực' (一日不作 一日不食 - Một ngày không làm, một ngày không ăn) của Phật giáo Trung Quốc, có thể khích lệ cả người xuất gia lẫn tại gia hăng hái tham gia kiến thiết nền văn minh vật chất của xã hội.*

Đồng thời, những lý tưởng cao đẹp như 'xây dựng tịnh độ nhân gian, trang nghiêm quốc thổ, lợi lạc hữu tình' trong giáo lý; tinh thần bình đẳng giữa muôn loài; nguyện lực báo đền ân nước, ân chúng sinh, rộng độ ta bà; nguyên tắc vàng ngọc 'các điều ác chớ làm, các điều lành vâng làm, giữ tâm ý trong sạch'; cùng tinh thần từ bi hỷ xả, tứ nhiếp lục hòa; lời huấn thị học rộng nghe nhiều, nan học năng học; tư tưởng tự lợi lợi ta, rộng gieo phước điền; cho đến các giới luật căn bản về không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối... tất cả đều là nguồn năng lượng chuyển hóa, khích lệ người con Phật tinh tấn tu dưỡng đạo đức, nâng cấm tầm vóc văn hóa, hiến dâng những giá trị thiết thực cho công cuộc kiến thiết nền văn minh tinh thần.

Tựu trung lại, từ bước chân tiên phong của Thái Hư đại sư với Nhân sinh Phật giáo, đến sự đúc kết uyên thâm thành Phật giáo Nhân gian qua tuệ giác của Ấn Thuận đại sư, cho đến định hướng thực hành phù hợp với thời đại tại Đại lục, tất cả đều quy tụ về một đặc điểm chung cốt lõi: Giữ vững cội nguồn và đặc trưng chân thật của Phật giáo, lấy đời sống con người làm gốc rễ, hướng trọn tâm huyết về xã hội thực tại, gắn bó máu thịt với cuộc đời, thương yêu con người và phụng hiến trọn vẹn cho quần sinh.”



Ảnh sưu tầm.

2. Phật giáo trong thế kỷ mới: Thực tiễn dưới ngọn cờ “*Phật giáo Nhân gian*”

Trong thế kỷ XXI mới mẻ này, Phật giáo sẽ tồn tại và phát triển như thế nào? Sẽ phát huy vai trò gì trong xã hội Trung Quốc cũng như xã hội quốc tế? Đây không chỉ là vấn đề mà giới Phật giáo thường xuyên suy ngẫm, mà còn là vấn đề được các học giả nghiên cứu Phật giáo quan tâm và thảo luận.

Người viết muốn nhân cơ hội này gắn liền với xu hướng tương lai của Phật giáo, chỉ xin bàn về một số vấn đề mang tính dự báo của bản thân.

Các bậc thức giả, giáo đoàn, tùng lâm (tự viện lớn) và đông đảo quần chúng tăng ni trong giới Phật giáo sẽ càng thêm tự giác thực hiện lý tưởng Phật giáo Nhân gian.

Vào cuối tháng 9 năm 2002, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Hội Phật giáo Trung Quốc đã được triệu tập tại Bắc Kinh. Trong báo cáo mang tựa đề Kế thừa di nguyện của cố Hội trưởng Triệu Phác Sơ, đồng tâm hiệp lực, mở ra cục diện mới cho sự nghiệp Phật giáo Trung Quốc, tân Hội trưởng Nhất Thành pháp sư đã khái quát tư tưởng Phật giáo Nhân gian, đồng thời yêu cầu giới Phật giáo Đại lục tích cực thực hành tư tưởng này. Ngài nói:

"*Hoằng dương tư tưởng 'Phật giáo Nhân gian' một cách khế lý khế cơ (hợp chân lý, hợp căn cơ), tôi cho rằng có những nội dung thực tế ở các phương diện sau: Lấy giáo dục để bồi dưỡng nhân tài, thông qua giáo dục nhà trường, giáo dục tự viện và giáo dục cư sĩ để đào tạo nhân tài Phật giáo đủ tiêu chuẩn, đó là then chốt quyết định sự hưng vong còn mất của Phật giáo; lấy tu học để tịnh hóa lòng người, tinh tấn tu trì tam học giới định tuệ như pháp như luật là nội dung quan trọng để Phật tử giác ngộ nhân sinh, tịnh hóa tâm thức; lấy từ thiện để báo đáp xã hội, báo ơn quốc thổ, báo ơn chúng sinh là nhân sinh quan tích cực của người Phật tử biết ơn đền ơn, từ bi cứu thế, vô ngã lợi tha...*" [8]

Báo cáo đã đặt việc giáo dục, bồi dưỡng nhân tài, tu học tam học, cống hiến tạo phúc cho xã hội vào vị trí những nội dung quan trọng để thực hành lý tưởng Phật giáo Nhân gian. Trong Điều lệ Hội Phật giáo Trung Quốc mới được sửa đổi, nội dung "*xướng nghị tư tưởng Phật giáo Nhân gian*" cũng được viết rõ ràng vào phần Tổng tắc.

Dựa vào đây, có thể dự đoán xu hướng cơ bản của giới Phật giáo Đại lục trong thế kỷ mới là kế thừa và phát huy tư tưởng Phật giáo Nhân gian, khiến Phật giáo phát huy vai trò lớn hơn trong công cuộc xây dựng văn minh vật chất và văn minh tinh thần.

Người viết không hiểu biết nhiều về Phật giáo Đài Loan, tuy nhiên qua những gì đã tìm hiểu, thực tiễn Phật giáo Nhân gian cũng là xu hướng chủ đạo của Phật giáo Đài Loan trong thế kỷ mới. Các giáo đoàn lớn có trọng lượng trong giới Phật giáo Đài Loan như Phật Quang Sơn, Pháp Cổ Sơn... tuy cách diễn đạt về Phật giáo Nhân gian không hoàn toàn giống nhau, nhưng đều đề xướng lấy tinh thần xuất thế để làm sự nghiệp nhập thế, đề xướng tịnh hóa lòng người, xây dựng tịnh độ nhân gian.

Bên cạnh đó, còn có nhị vị pháp sư nữ kiệt xuất là Ni trưởng Hiểu Vân và Trưởng lão Ni Chứng Nghiêm không mưu cầu xây dựng tự viện, không giữ chức trụ trì, mà dựa trên đại nguyện từ bi cứu thế, xây dựng tịnh độ nhân gian, toàn tâm toàn ý dấn thân vào các hoạt động xã hội như cứu trợ từ thiện, y tế, văn giáo, khoa học..., lần lượt sáng lập Quỹ Từ thiện Sự nghiệp Từ thiện Phật giáo Từ thiện (Hội Công đức Từ thiện Phật giáo), Học viện Nhân văn Khoa học Hoa Phạm

(nay là Đại học Hoa Phạm), mang lại phúc lợi cho xã hội, mưu cầu lợi ích cho quần chúng, tạo ra ảnh hưởng to lớn ở cả hai bờ eo biển.

Giáo dục Phật giáo trong thế kỷ mới sẽ đạt được sự phát triển chưa từng có, bồi dưỡng và đào tạo ra đông đảo tăng tài, cư sĩ cùng học giả có cả đức lẫn tài.

Về mặt giáo dục, giới Phật giáo Đài Loan trong hai đến ba thập niên cuối của thế kỷ trước đã ghi dấu những thành tựu vô cùng rực rỡ. Với tầm nhìn viễn kiến, các tự viện và tăng đoàn lớn tại đây rất mực coi trọng công tác vun bồi nhân tài; hầu như mỗi cơ sở đều kiến lập các học viện Phật giáo, viện nghiên cứu ở đa dạng cấp độ, đồng thời định kỳ ấn hành các tạp chí học thuật chuyên sâu cùng những công trình nghiên cứu Phật học uy tín.

Những danh lam, học viện tiêu biểu có thể kể đến như: Học viện Phật giáo Phúc Nghiêm (福嚴佛學院) do Pháp sư Ấn Thuận khai sáng; Học viện Phật giáo Tùng lâm Phật Quang Sơn do Đại sư Tinh Vân (1927–2023) sáng lập vào năm 1967, là trung tâm lớn của tư tưởng "*Phật giáo nhân gian*"; Viện Nghiên cứu Phật học Trung Hoa và Học viện Phật giáo Tăng già do Pháp sư Thánh Nghiêm sáng lập; Học viện Phật giáo và Viện nghiên cứu Viên Quang do Pháp sư Như Ngộ kiến lập; Viện Nghiên cứu Văn hóa Phật giáo Pháp Quang do pháp sư Như Học thành lập; Học viện Phật giáo Ni chúng Hương Quang do Pháp sư Ngộ Nhân sáng lập; Phật học viện Tịnh Giác (sau này phát triển thành Đại học Tịnh Giác Tăng Già) Học do Pháp sư Tịnh Tâm sáng lập; Học viện và Viện nghiên cứu Phật giáo Trung Đài do Pháp sư Duy Giác sáng lập; Học viện Thiền học Từ Quang (Từ Quang Thiền Học viện) và Nghiên cứu sở Phật học Từ Quang là các cơ sở giáo dục, nghiên cứu Phật giáo do Pháp sư Huệ Không thành lập vào năm 1995 tại Thành phố Đài Trung, Đài Loan; Học viện Phật giáo Nguyên Hanh do Pháp sư Phổ Diệu sáng lập; Học hội Phật giáo Lực Hành, và cơ sở giáo dục do tổ chức này vận hành là Học viện Thiền Phật giáo Lực Hành do Pháp sư Tuệ Môn sáng lập; Học viện Phật giáo Thiên Phật Sơn, do Pháp sư Bạch Vân sáng lập; Học viện Phật giáo Hoằng Thệ do Pháp sư Chiêu Tuệ khai sáng...

Bên cạnh đó, Phật Quang Sơn còn viên thành đại nguyện khi sáng lập hai trường đại học tổng hợp lớn là Đại học Phật Quang và Đại học Nam Hoa, trong khi Pháp Cổ Sơn cũng đang tích cực xúc tiến kiến thiết Đại học Pháp Cổ.

Nhìn sang Đại lục, kể từ khi Học viện Phật giáo Trung Quốc ra đời vào những năm 1950 đến nay đã trải qua hành trình 45 năm hình thành và phát triển. Dù từng trải qua không ít khúc quanh trắc trở, nơi đây không chỉ gặt hái những thành tựu đáng tự hào mà hiện đã phát triển với hơn 40 học viện Phật giáo trải rộng trên nhiều cấp độ khác nhau.

Trước tầm quan trọng và tính cấp bách của sứ mệnh phát triển giáo dục, vun bồi nhân tài cho Đạo pháp, vào tháng 1 năm 1992, Hội thảo công tác giáo dục Phật giáo hệ Hán ngữ các địa phương đã được triệu tập long trọng tại Thượng Hải. Hội thảo đã đúc kết thành văn bản cốt lõi, nhấn mạnh yêu cầu cấp thiết phải đào tạo một đội ngũ nhân tài Phật giáo đủ chuẩn mực để khế hợp với sự phát triển không ngừng của Phật giáo sự nghiệp, đồng thời hoạch định những định hướng mang tính chiến lược về phương pháp phát triển giáo dục và điều hành tinh hoa các viện nghiên cứu Phật học.

Những đề xuất thiết thực bao gồm: Thực hiện phương thức "*học tu nhất thể hóa, đời sống học tăng mang đậm phong cách tùng lâm*"; hoàn thiện hệ thống môn học; thiết lập một nền tảng giáo dục Phật giáo đa tầng nấc, chuẩn mực; tiến hành biên soạn chương trình giảng dạy và giáo trình đạt chuẩn thống nhất; đồng thời không ngừng đổi mới công tác bồi dưỡng tư tưởng và đạo đức.

Đại hội đại biểu lần thứ VII của Hội Phật giáo Trung Quốc diễn ra vào năm 2002 lại một lần nữa gióng lên tiếng chuông kiên định về việc tăng cường bồi dưỡng nhân tài, quản trị tự viện và nhà trường tinh nghiêm, đồng thời đề xuất xây dựng hệ thống chương trình, giáo trình thống nhất, thiết lập ngân hàng dữ liệu nhân tài cùng mạng lưới giao lưu nhân tài toàn diện.

Sự thật minh chứng rằng: Nếu không có nhân tài Phật giáo hiện đại, sẽ không thể có một nền Phật giáo hiện đại, và lý tưởng kiến thiết tịnh độ nhân gian cũng mãi chỉ là điều viển vông. Có thể dự báo rằng, giới Phật giáo ở hai bờ eo biển trong thế kỷ mới sẽ nuôi dưỡng và đào tạo nên một thế hệ nhân tài ưu tú, đủ vững vàng để gánh vác sứ mệnh truyền bá và làm rạng danh Phật giáo Nhân gian trong thời đại mới. Nếu tính từ thời điểm Pháp sư Thái Hư khai mở trường học để bồi dưỡng tăng tài, thì thế hệ hiện tại và tương lai này sẽ thuộc về lớp thế hệ thứ năm, thứ sáu, và tiếp nối từ thế hệ thứ bảy trở đi.



Ảnh sưu tầm.

3. Thiền tông sẽ phục hồi và tái hiện hào quang huy hoàng trong diện mạo Phật giáo dung hợp của thế kỷ mới

Từ sau Nhà Tùy và nhà Đường là hai triều đại phong kiến liên tiếp kiểm soát Trung Quốc từ cuối thế kỷ VI đến đầu thế kỷ X, dẫu Phật giáo Trung Hoa hình thành nhiều tông phái khác nhau, nhưng xét đến cùng, giữa các tông phái về mặt tổ chức hay giáo lý chưa từng có sự ngăn cách kiên cố hay ranh giới rạch ròi. Đến thời hậu Minh, các tông phái ngày càng mang đậm sắc thái dung hợp, tuy nhiên, nếu nhìn trên tổng thể, Thiền tông vẫn giữ vai trò là chủ thể linh hồn.

Trong bài viết Luận về việc bồi dưỡng tăng tài, Pháp sư Ấn Thuận từng thâm thiết chỉ rõ:

"Phật giáo Trung Hoa có thể rèn luyện các bậc cao tăng đại đức trong cửa Phật, bồi dưỡng nhân tài hoằng dương Phật pháp, trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc thì trước hết phải kể đến Thiền tông. Từ thời nhà Đường trở đi, các tự viện hầu như đều được gọi là 'Thiền tự'... Trong cái nhìn của người thiền định, nếu tự tâm chúng ta thanh tịnh thì tự nhiên giới tính không phạm, thế nên từ Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất (709–788) , Bách Trượng Hoài Hải (720–814) đời Đường đã rời khỏi tự viện, lập riêng Thiền tự, khiến cho đại chúng tập trung tâm ý công phu vào tư

duy thiền định... Trong Thiền tự không phải là vứt bỏ hoàn toàn văn tư huệ, bởi vì bên trong thiền đường có vị trụ trì, thủ tọa, đường chủ của tự viện luôn luôn hướng dẫn thanh chúng mọi lúc mọi nơi, mỗi ngày đều có buổi khai thị định giờ, đối với hành vi cử chỉ của người học đều có những lời cảnh sách và chỉ thị đanh thép. Do mối quan hệ huân tu chung của đại chúng như vậy, dần dần đã sản sinh ra những ngôi đại thiền tự, diễn xuất ra chế độ đại tùng lâm và thanh quy."

Tầm ảnh hưởng của Thiền tông cho đến tận hôm nay vẫn vô cùng sâu rộng. Tại các tự viện Đại lục hiện nay, ranh giới tông phái không còn bị phân định rạch ròi, và chư tăng ni trong chốn già lam cũng chưa hẳn câu nệ phải tường tận tông phái mình tôn phụng; thế nhưng, tựu trung lại, hơi thở và phong cách của tất cả đều mang đậm dấu ấn của Thiền tông.

Bản Phương thức quản lý tự viện Phật giáo truyền thống hệ Hán được thông qua tại Đại hội lần thứ VI của Hội Phật giáo Trung Quốc (1993) đã quy định rõ: Các tự viện trọng điểm nên chiểu theo chế độ tùng lâm mười phương để tuyển chọn trụ trì; đồng thời các vị trí cốt lõi trong tăng đoàn như thủ tọa, tây đường, hậu đường, đường chủ (các hàng giáo thọ lớn) cùng các chức sự như giám viện, tri khách, duy na, tăng trị... đều do trụ trì căn cứ vào chế độ thỉnh chức của tùng lâm và nguyên tắc hiệp thương để định kỳ bổ nhiệm, tấn phong.

Về phương diện tu tập, các pháp môn thiền định truyền thống vẫn giữ vững sức sống mãnh liệt. Ngay cả tại Đài Loan, các đạo tràng lớn như Phật Quang Sơn, Pháp Cổ Sơn, Trung Đài Tự... đều thiết lập rõ ràng hệ thống pháp mạch thiền phái mà mình kế thừa (bao gồm cả thế hệ truyền thừa), hoặc thuộc tông Lâm Tế, hoặc kiêm thông cả hai dòng thiền Lâm Tế và Tào Động.

Theo quan điểm của người viết, Thiền tông Trung Quốc trong tiến trình phát triển hậu kỳ dẫu từng xuất hiện không ít tệ nạn, nhưng cốt tủy của nó vẫn chứa đựng những đặc trưng ưu việt rất gần gũi với tâm thức và dễ dàng được quần chúng tiếp nhận. Nếu biết dung hợp cùng môi trường xã hội hiện đại để điều chỉnh tinh tế các quy chuẩn về thanh quy, lý tưởng thiền pháp, phương thức thượng đường thuyết pháp, nghệ thuật tham cứu cho đến trí tuệ xử thế..., thì Thiền tông chắc chắn sẽ tái hiện lại hào quang rực rỡ trong thế kỷ mới.

Đương nhiên, tại hai bờ eo biển vẫn hiện diện những tự viện chuyên tâm hoằng dương các tông phái khác như Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Tịnh Độ hay Giới luật. Thực tế cho thấy, mọi tông phái Phật giáo đều chứa đựng nguồn năng lượng sống bất tận, và mấu chốt thành tựu vẫn nằm ở tâm nguyện của người tín phụng, tu trì; chỉ cần xã hội an định, đạo phong của tứ chúng được nâng cao, thì bất kỳ tông phái nào cũng sẽ phát huy được vai trò lợi lạc quần sinh.

Thuở xưa, Lục tổ Huệ Năng từng dạy: "*Nhược dục tu hành, tại gia diệc đắc, bất do tại tự*" (Nếu muốn tu hành, ở tại nhà cũng được, không nhất thiết phải câu nệ ở trong chùa) (theo bản Đôn Hoàng của Kinh Lục Tổ Đàn).

Pháp sư Ấn Thuận cũng từng đúc kết trong tác phẩm Một cuộc đời bình dị (bản bổ sung): "*Đệ tử tại gia của Phật giáo nên đứng trên lập trường Phật pháp để dấn thân vào các sự nghiệp văn hóa, từ thiện, phúc lợi xã hội; điều này không chỉ khế hợp với tinh thần Bồ tát đạo, mà còn thu hút được thiện cảm sâu sắc từ cộng đồng, tạo thuận duyên lớn cho việc hoằng dương Phật pháp.*"

Dẫu các bậc tôn túc đang bàn về hạnh nguyện của người cư sĩ quy y, điều đó không hề có nghĩa là bài xích các nhân duyên tín ngưỡng khác. Bước vào thời đại cận hiện đại, để khế hợp với nhu cầu tâm linh đa dạng của xã hội, đã xuất hiện thêm nhiều giáo đoàn mới nổi với hệ thống tổ chức, giáo chủ và nền tảng lý luận riêng. Trong số đó, có những đoàn thể tôn vinh tư tưởng Bát-nhã Trung quán của Đại thừa kết hợp cùng tinh thần Thiền tông thuần khiết.

Đơn cử như giáo đoàn Hiện đại Thiền do ông Lý Nguyên Tùng - một trong những thành viên ban tổ chức hội nghị - sáng lập, lấy tôn chỉ "*kết hợp tư tưởng Bát-nhã Trung quán với tinh thần nhân văn hiện đại*", chủ trương tu học ngay tại đời sống gia đình, coi trọng thực chứng nội tâm, đề cao việc thực tròn nghĩa vụ xã hội cùng luân lý đạo đức, đồng thời tích cực phát triển sự nghiệp văn hóa giáo dục. Sự xuất hiện của những giáo đoàn tân tiến mang đậm tinh thần và cốt tủy Thiền tông ấy chính là minh chứng hùng hồn cho sức sống trường tồn, mãnh liệt của dòng thiền trong lòng nhân thế.



Ảnh sưu tầm.

II. Nghiên cứu Phật giáo – Sự tham khảo, định hướng và điều kiện tiên quyết cho giáo dục Phật giáo

Thực tiễn Phật giáo Nhân gian trong thế kỷ XXI không thể tách rời việc nghiên cứu Phật giáo, không thể tách rời việc nghiên cứu lịch sử, lý luận và hiện trạng của Phật giáo. Thay vào đó, chúng ta cần tìm kiếm sự tham khảo và lý luận định hướng từ việc nghiên cứu Phật giáo, đồng thời cung cấp các điều kiện cần thiết để triển khai giáo dục và bồi dưỡng nhân tài. Bằng không, thực tiễn sẽ trở thành một thực tiễn mù quáng.

Dù bản thân người viết đã có nhiều năm nghiên cứu Phật giáo, nhưng vẫn thấm thía rằng Phật pháp vô biên, biển học vô bờ bến (學海無涯); sự hiểu biết về tình hình nghiên cứu Phật giáo ở Đại lục hãy còn chưa toàn diện, và tất nhiên sự hiểu biết về Đài Loan lại càng ít ỏi hơn [17]. Vào tháng 4 năm 1999, người viết từng cả gan viết bài Bàn về nghiên cứu Phật giáo vào thời điểm giao thừa của thế kỷ, và đến tháng 1 năm 2000 thì chỉnh sửa đôi chút để trình bày tại Hội thảo khoa học "*Nhìn lại và triển vọng nghiên cứu lý luận giáo dục tôn giáo và Phật giáo*" do Viện Nghiên cứu Lý luận Tôn giáo và Phật giáo thuộc Đại học Nhân dân Trung Quốc tổ chức [18]. Do giới hạn về độ dài, ở đây tôi chỉ xin trình

bày suy nghĩ của mình về năm vấn đề sau đây để cùng thỉnh giáo chư vị:

1. Bắc truyền Phật giáo lấy Trung Quốc làm trung tâm có nguồn gốc từ Ấn Độ, thế nhưng cho đến nay vẫn còn rất nhiều phương diện và vấn đề đang chờ chúng ta nghiên cứu. Vào thập niên 1940 khi vẫn đang trong thời kỳ chiến loạn, pháp sư Ấn Thuận đã viết cuốn Ấn Độ chi Phật giáo (Phật giáo Ấn Độ), sau đó tiếp tục xuất bản bản chỉnh sửa; đến những năm cuối đời, vì vẫn chưa hài lòng với văn thể và các dẫn chứng trong sách, ngài đã viết tiếp cuốn Ấn Độ Phật giáo tư tưởng sử. Ngày nay, tác phẩm này được không ít các học viện Phật giáo dùng làm giáo trình. Ngoài ra, ngài cũng đã nghiên cứu về kinh điển Phật giáo nguyên thủy, bộ phái Phật giáo, Đại thừa thời kỳ đầu và có các ách chuyên khảo hoặc tác phẩm chuyên ngành (專著) để lại [19].

Tuy nhiên, người viết cho rằng trong lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo Ấn Độ hiện nay, chúng ta cần thiết phải kế thừa các thành quả trước đây, đồng thời tiếp thu rộng rãi các thành quả nghiên cứu của nước ngoài, đặc biệt là Nhật Bản, để tiến hành nghiên cứu sâu hơn, từ đó tổ chức các học giả hợp tác dốc sức viết nên một bộ Thông sử Phật giáo Ấn Độ hoàn chỉnh và có hệ thống. Theo những gì người viết được biết, cuốn Lịch sử Phật giáo Ấn Độ do giáo sư Hirakawa Akira (Bình Xuyên Chương) người Nhật biên soạn, được nhà xuất bản Shunju-sha ấn hành năm 1979, là tác phẩm được hoàn thành dựa trên việc hấp thu các thành quả nghiên cứu hơn một trăm năm kể từ sau cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản. Sách nổi tiếng nhờ cấu trúc lịch sử rõ ràng thích đáng, tư liệu xác thực, lập luận ngắn gọn súc tích.

Bên cạnh đó, Nhật Bản cũng đạt được rất nhiều thành tựu trong việc nghiên cứu các bộ phái Phật giáo, giới luật và kinh điển. Nếu chúng ta tiến hành dịch thuật và giới thiệu các tác phẩm này trước, chắc chắn cũng sẽ thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc nghiên cứu Phật giáo Ấn Độ ở Trung Quốc. Thêm vào đó, cả hai bờ eo biển vẫn chưa triển khai nghiên cứu một cách sâu sắc và có hệ thống đối với Nam truyền Phật giáo bao gồm cả Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan và Campuchia.

2. Trong lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo Trung Quốc, việc nghiên cứu về Phật giáo trước thời nhà Tùy và nhà Đường diễn ra tương đối sâu sắc và đạt được nhiều thành tựu, nhưng các nghiên cứu về Phật giáo thời Tống, Nguyên, Minh, Thanh và cận hiện đại lại còn ít. Phật giáo cận đại Trung Quốc, dù xét từ giáo pháp được tínng phụng, hình thức tổ chức tăng đoàn, tự viện, chế độ truyền giới, nghi quỹ Phật sự, hay từ kiến trúc tự viện, thì về cơ bản đều là sự tiếp nối trực tiếp của Phật giáo thời Minh - Thanh. Do đó, việc nghiên cứu Phật giáo thời Minh - Thanh mang ý nghĩa vô cùng đặc biệt.

Những năm gần đây, mặc dù các nghiên cứu về thời kỳ cận hiện đại đã gặt hái được một số thành quả đáng mừng ra mắt bạn đọc, nhưng vẫn chưa triển khai được một cách toàn diện và có hệ thống. Trong thế kỷ mới, bên cạnh việc tiếp tục tổ chức học giả biên soạn Thông sử Phật giáo Trung Quốc, chúng ta còn cần phải tăng cường hơn nữa các nghiên cứu mang tính tổng hợp liên quan đến lịch sử triều đại Phật giáo, các chuyên đề, nhân vật, tông phái..., cũng như các nghiên cứu liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau như mối quan hệ tương hỗ giữa ba giáo Nho - Thích - Đạo, Phật giáo với tư tưởng triết học Trung Quốc, Phật giáo với văn hóa nghệ thuật Trung Quốc...

3. Ba hệ thống truyền thừa: Hán ngữ, Tạng ngữ và Pali ngữ Phật giáo

Xét một cách tương đối, trong quá khứ, nguồn lực đầu tư cho việc nghiên cứu Hán ngữ tộc Phật giáo - hệ phái có bề dày lịch sử hoằng truyền lâu đời nhất và ảnh hưởng sâu rộng nhất - là vô cùng lớn lao, và những thành tựu gặt hái được cũng phong phú nhất. Tuy nhiên, vì nhiều nhân duyên khác nhau, các công trình khảo cứu về hai hệ phái còn lại vẫn còn khá khiêm tốn. Trong thời gian tới, chúng ta thiết thực cần lắng nghe trí tuệ của chư tôn đức và học giả khắp các vùng miền, dân tộc để kiến lập những kế hoạch khả thi, đẩy mạnh việc nghiên cứu lịch sử, giáo lý của hai hệ phái này, đồng thời tinh chỉnh, phiên dịch và ấn hành các bộ kinh điển căn cốt của họ.

4. Nghiên cứu đạo đức học Phật giáo: Từ nền tảng duyên khởi đến đạo đức sinh thái toàn cầu

Trong tiến trình hình thành và phát triển của Đạo pháp, nhằm duy trì sự thanh tịnh, hòa hợp trong tăng đoàn và xử lý trọn vẹn mối quan hệ với thế giới bên ngoài, việc thiết lập các quy chuẩn, điều giới nhằm điều tiết hành vi giữa cá nhân với tổ chức, giữa đạo với đời là điều tất yếu. Từ đó, các điều giới lần lượt ra đời, nương cùng các pháp môn như thập thiện, lục độ, tứ nhiếp, lục hòa kính...

Thế nhưng, những quy phạm ấy tuy mang đậm tinh thần đạo đức nhưng không hoàn toàn đồng nhất với các quan niệm luân lý thông thường. Hơn thế nữa, qua dòng chảy lịch sử, các học phái Đại - Tiểu thừa cùng các tông phái ở nhiều vùng đất khác nhau đã gán cho những giới luật ấy những tầng ý nghĩa uyển chuyển và sự phát triển lý luận vô cùng phong phú.

Điều đó đòi hỏi chúng ta không chỉ tiếp tục chuyên sâu nghiên cứu học thuật giới luật, mà còn phải mạnh mẽ khai triển các công trình khảo cứu chuyên sâu về đạo đức học Phật giáo.

Nhớ lại mùa xuân năm 2001, trong chuyến giảng học tại Pháp Cổ Sơn (Đài Loan), người viết tình cờ đọc được bài viết mang tựa đề "*Giáo chứng*" và "*Lý chứng*" trong việc biên soạn "*Đạo đức học Phật giáo*" của Pháp sư Chiêu Tuệ đăng trên tập san Pháp Quang học đàn (kỳ số 5), qua đó thấu triệt rằng Ngài đã hoàn thành tác phẩm đồ sộ Đạo đức học Phật giáo. Sau đó, nhân dịp tham dự Hội thảo khoa học lần thứ III "*Phật giáo nhân gian, truyền ngọn lửa nối tiếp*" chúc thọ lần thứ 97 của Pháp sư Ấn Thuận, người viết vô cùng hạnh phúc khi được chính tay Pháp sư Chiêu Tuệ tặng cho công trình quý giá này. Sau khi tường lãm, tôi đọng lại vô vàn cảm xúc thú vị:

- Toàn bộ tác phẩm nhằm tránh những tranh luận vô ích phát sinh từ sự khác biệt giáo lý giữa Đại - Tiểu thừa hay Nam - Bắc truyền, tác giả đã cố gắng tinh giản tối đa việc dẫn chứng sử liệu kinh điển (giáo chứng), mà thay vào đó, viện dẫn pháp "*Duyên khởi*" - chân lý được các phái Phật giáo đồng thuận - làm trục xương sống lý luận để suy diễn (lý chứng);

- Nương vào bản tính tự nhiên của duyên khởi làm mẫu mực, suy xuất ra quan niệm đạo đức mà một "*người hành trì theo tinh thần duyên khởi*" cần phải có, cùng những phẩm chất nhân cách cao đẹp đi kèm như khiêm cung, tri ân, từ bi, sùng thượng tinh thần dân chủ, khoa học và bình đẳng;

- Từ nguyên lý duyên khởi vô lượng, nhân quả báo ứng cùng tinh thần Bồ tát đạo, tác giả kiến giải thấu đáo ba "*lý luận căn nguồn*" của hạnh "*hộ sinh*" (yêu thương trọn vẹn muôn loài sinh mạng, có điểm tương đồng với chữ "*Nhân*" của Nho giáo và chữ "*Agape*" của Thiên Chúa giáo): đó là pháp tự thông (tương đồng với đạo thứ-nha của Nho giáo), tính tương quan của duyên khởi, và tính bình đẳng của duyên khởi;

Trên nền tảng ấy, tác phẩm trình bày một cách hệ thống về đạo đức học Phật giáo, đồng thời mở rộng biên độ kết nối với xã hội hiện đại để cống hiến những kiến giải sắc sảo về đạo đức chính trị và đạo đức sinh thái môi trường.

Cuộc trước tác ấy thực sự chứa đựng những tư tưởng độc đáo, đóng góp trân quý cho tàng thư nghiên cứu đạo đức học Phật giáo, đồng thời là nguồn tài liệu tham khảo vô giá cho việc vận dụng từ bi trí tuệ Phật pháp vào các hoạt động từ thiện, bảo vệ động vật và gìn giữ môi trường sinh thái.

Tuy nhiên, có lẽ do bản thân người viết đã gắn bó trọn đời với công việc khảo cứu lịch sử, nên trong lòng vẫn ôm ấp một niềm trăn trở: Liệu tác giả có thể vừa kiêm giữ pháp "*Duyên khởi*" mang tính cộng hứa, vừa khéo léo kết hợp với các bối cảnh lịch sử khác nhau - đặc biệt là tầm ảnh hưởng sâu đậm của nền đạo đức Nho giáo đối với đạo đức Phật giáo trong các triều đại phong kiến Trung

Hoa - để bồi đắp thêm nhiều "*giáo chứng*" sinh động hơn nữa hay không?

Nhân đây, người viết xin mạn phép cất lên một kiến nghị: Nếu Pháp sư Chiêu Tuệ hoặc các bậc trí giả hiền đạt có thể khởi xướng biên soạn một bộ Lịch sử đạo đức học Phật giáo với trọng tâm là sự chuyển hóa của đạo đức học Phật giáo Trung Quốc (lấy nền tảng Ấn Độ làm cội gốc, lấy mạch nguồn Trung Hoa làm cành ngọn), thì điều đó chắc chắn sẽ mang ý nghĩa vô cùng trọng đại đối với công cuộc định hướng xã hội và giáo dục Phật giáo trong kỷ nguyên mới.

5. Kinh tế tự viện trong thời đại mới: Tự túc, phụng hiến và phát triển bền vững

Nguồn tài chính của các tùng lâm cổ kính xứ Trung Hoa, bên cạnh sự cúng dường từ các tầng lớp quần chúng, chủ yếu dựa vào sức lao động canh tác nông nghiệp, tinh tấn thực hành theo thanh quy "*một ngày không làm, một ngày không ăn*". Bên cạnh đó, một số tự viện còn tham gia vào các phương thức quản lý tài chính thời cổ như cho vay lấy lãi lập quỹ "*Trường sinh khố*" (vô tận tàng).

Khi bước vào thời kỳ cận hiện đại, nương theo sự xoay vần của thể chế chính trị và xã hội, kinh tế tự viện cũng trải qua những biến chuyển sâu sắc. Hiện nay, bức tranh kinh tế tại hai bờ eo biển mang những đặc thù riêng biệt. Nguồn thu nhập của các tự viện Đại lục e rằng vẫn chủ yếu dựa vào tâm thành bố thí của tín lữ, các pháp sự cúng dường, bên cạnh một phần thu từ vé tham quan du lịch, hay việc khai thác đất đai hợp pháp để phát triển nông lâm nghiệp.

Bản Phương thức quản lý tự viện Phật giáo truyền thống hệ Hán do Hội Phật giáo Trung Quốc ban hành đã quy định rõ: "*Chiểu theo truyền thống nông thiền song trọng, tùy theo điều kiện của từng tự viện để tổ chức các sự nghiệp như nông nghiệp, lâm nghiệp, thủ công nghiệp... phù hợp với đặc điểm của tự viện, cùng với các sự nghiệp tự nuôi sống mình như lưu thông pháp vật, quán chay, nhà khách... dần dần đạt đến mục tiêu lấy chùa nuôi chùa. Các sự nghiệp sản xuất và tự túc có thể tuyển dụng một số lượng nhân viên cần thiết, hoặc hạch toán độc lập, nhưng công tác nhân sự, tài chính và nghiệp vụ bắt buộc phải do tự viện thống nhất quản lý. Tự viện nên phân chia rõ ràng khu vực dịch vụ sản xuất với các điện thờ chính và liêu phòng trong bố cục kiến trúc.*"

Thực chất, trong những quy định chuẩn mực ấy đã ẩn chứa một không gian vô cùng to lớn để kiến tạo sự độc lập và phát triển kinh tế tự viện. Nguồn tài chính của các đạo tràng tại Đài Loan tất nhiên có những nét tương đồng, nhưng do dung dưỡng trong một không gian xã hội khác biệt nên cũng mang những sắc thái và đặc trưng riêng có.

Từ thực tiễn ấy, người viết xin mạn phép nêu lên một câu hỏi lớn để cùng thỉnh cầu sự chỉ giáo từ chư tôn đức và các bậc học giả: Trong thế kỷ mới, khi kinh tế và khoa học công nghệ phát triển vũ bão, khi nền kinh tế hàng hóa bao trùm toàn cầu, liệu các tự viện có thể sử dụng nguồn tài chính dư dả của mình để đầu tư vào các xí nghiệp sinh lợi, kinh doanh các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, thậm chí tham gia vào các quỹ đầu tư tài chính hay không?

Theo suy ngẫm của người viết, nếu các tự viện có được nguồn lực tài chính vững mạnh, chẳng phải sẽ tạo ra chiếc cầu nối tuyệt vời để phát huy trọn vẹn tài năng của đông đảo nhân tài tri thức, chuyên gia công nghệ trong lòng Phật giáo hay sao? Khi nguồn lực tài chính hưng thịnh, Đạo pháp không chỉ tiếp tục nuôi dưỡng sự nghiệp hoằng pháp, giáo dục, nghiên cứu, mà còn có thể mở rộng muôn vàn loại hình phúc lợi xã hội, văn hóa giáo dục, gia tăng đầu tư vào công cuộc bảo vệ môi trường tự nhiên, duy trì cân bằng sinh thái, cứu tai sẻ nghèo..., từ đó cống hiến những đóa hoa phụng hiến rực rỡ nhất cho sự tiến bộ của văn minh nhân loại. Nếu con đường ấy là khả thi, thì những giới hạn còn lại nằm ở đâu? Rất mong nhận được sự từ bi chỉ giáo của chư vị.

III. Lời kết

Tựu trung lại, giới Phật giáo ở hai bờ eo biển dẫu có những cách diễn giải uyển chuyển khác nhau về Phật giáo Nhân gian, nhưng việc giương cao ngọn cờ Phật giáo Nhân gian trong thế kỷ mới chính là nhịp đập tất yếu của thời đại. Giữa tiến trình hòa nhập và phụng hiến cho cuộc đời, Phật giáo chắc chắn sẽ bừng sáng một nguồn sinh lực mãnh liệt, dung chứa vô số những hiện tượng tươi mới, kỳ diệu.

Trong hành trình thù thắng ấy, công cuộc nghiên cứu Phật giáo không chỉ làm rạng danh kho tàng khoa học xã hội nhân văn, mà còn soi sáng, hiến tặng những chiếc la bàn định hướng cho sự hoằng truyền của Đạo pháp, đồng thời cung cấp những đối sách thiết thực, trợ duyên trọn vẹn cho các hoạt động hoằng pháp lợi sinh, bảo vệ môi trường, giáo dục và muôn vàn Phật sự cao cả khác.

***

Chú thích

[1] Bài viết này khi nhắc đến vị pháp sư nào lần đầu tiên thì sẽ kèm theo pháp hiệu, từ đó về sau tùy theo ngữ cảnh mà có lúc gọi pháp hiệu, có lúc gọi thẳng tên, kính mong độc giả thông cảm.

[2] Ấn Thuận, Thái Hư đại sư niên phổ, thuộc Diệu vân tập, Trung biên tập số 6, Nxb. Chính Văn, Đài Loan, ấn bản sửa đổi năm 1992, tr. 57, và tham khảo thêm tr. 253; Phúc Thiện, Diệu Khâm chủ biên, Nxb. Hải Triều Âm xuất bản năm 1945, Nhân sinh Phật giáo, Chương 1, Tiết 1: "*Sự ra đời của thuật ngữ Nhân sinh Phật giáo*".

[3] Tuyển tập hội thảo quốc tế kỷ niệm 100 năm ngày sinh Thái Hư, Nxb. Pháp Trụ, Hồng Kông, 1990.

[4] Hoa vũ tập, tập 5, Nxb. Chính Văn, Đài Loan, 1993, tr. 8. Các tác phẩm liên quan khác gồm có: Thanh niên đích Phật giáo dữ Phật giáo đích thanh niên (Phật giáo của thanh niên và thanh niên của Phật giáo, năm 1942, nay có trong Diệu vân tập, Hạ biên, quyển 5), Nhân gian Phật giáo tiễu ngôn (Lời mở đầu về Phật giáo Nhân gian), Tùng y cơ thiết giáo lai thuyết minh nhân gian Phật giáo (Giải thích Phật giáo Nhân gian từ góc độ thiết giáo tùy cơ), Nhân tính, Nhân gian Phật giáo yếu lược (năm 1952, nay có trong Diệu vân tập, Hạ biên, quyển 1).

[5] Về các nghiên cứu so sánh của học giả Đài Loan đối với vấn đề "*Nhân sinh Phật giáo*" và "*Nhân gian Phật giáo*" của Thái Hư và Ấn Thuận, có thể tham khảo bài viết của Dương Huệ Nam: Tùng "*nhân sinh Phật giáo*" đáo "*nhân gian Phật giáo*" (Từ "*Nhân sinh Phật giáo*" đến "*Nhân gian Phật giáo*", đăng trong Tuyển tập hội thảo quốc tế kỷ niệm 100 năm ngày sinh Thái Hư); sách do Giang Xán Đằng trước tác, Công ty xuất bản Tân Văn Phong xuất bản năm 1990, Tập luận tư tưởng Phật giáo Trung Quốc hiện đại, Chương 2: Khảo nguyên về "*Nhân sinh Phật giáo*" của Thái Hư đại sư, Chương 3: Bàn về nguyên nhân lý giải khác nhau giữa pháp sư Ấn Thuận và Thái Hư đại sư về "*Phật giáo Nhân gian*".

[6] Ba bài trước đăng trong Đặc san kỷ niệm 20 năm khai sơn Phật Quang Sơn, bài sau đăng trong Tạp chí học thuật Phổ Môn, kỳ 5 và 6 năm 2001.

[7] Pháp Âm, số 3, năm 1987.

[8] Pháp Âm, số 10, năm 2002.

[9] Nhất Thành, Kế thừa di nguyện của cố Hội trưởng Triệu Phác Sơ, đồng tâm hiệp lực, mở ra cục diện mới cho sự nghiệp Phật giáo Trung Quốc, Pháp Âm, tháng 10 năm 2002, số 10.

[10] Giáo chế giáo điển dữ giảng học, đăng trong Diệu vân tập, Hạ biên, quyển 8, tr. 144–145.

[11] Pháp Âm, số 12, năm 1993, tổng số 112.

[12] Dương Tăng Văn hiệu đính, Nxb. Văn hóa Tôn giáo xuất bản năm 2001, Bản mới Đôn Hoàng tân bản - Lục tổ đàn kinh, tr. 47.

[13] Diệu vân tập, Hạ biên, quyển 10, tr. 192.

[14] "*Hiện đại Thiền*" ấn hành năm 2002, Quỹ văn giáo Hiện đại Thiền; Lý Nguyên Tùng có các tác phẩm như Thiền của thế kỷ 21, Hiện đại Thiền chủ nghĩa kinh nghiệm, Thiền môn nhất diệp, A-hàm, Bát-nhã, Thiền, Mật, Tịnh độ, Thiền đích truyền tập, v.v., do Nxb. Hiện đại Thiền xuất bản lần lượt vào các năm 1993, 1990, 1997, 1998, 2000; ngoài ra còn có rất nhiều bài viết được đăng tải trên trang web của "*Hiện đại Thiền*".

[15] Lâm Tố Mai, Nhân gian Phật giáo đích nữ tính quan - dĩ Tinh Vân đại sư vi chủ đích khảo sát (Quan niệm nữ giới của Phật giáo Nhân gian - Khảo sát lấy đại sư Tinh Vân làm trung tâm), đăng trong Tạp chí học thuật Phổ Môn năm 2001, kỳ 3. Bài viết này giới thiệu một cách có hệ thống quan niệm về nữ giới trong Phật giáo, các thành tựu nghiên cứu của giới học thuật về nữ giới Phật giáo, sự diễn biến lịch sử của quan niệm nữ giới trong Phật giáo; sau đó giới thiệu chi tiết quan niệm nữ giới Phật giáo của đại sư Tinh Vân, chỉ ra rằng ông đã liên kết ba khái niệm nữ giới, Phật giáo và nhân gian lại với nhau để thúc đẩy sự nghiệp Phật giáo Nhân gian; đồng thời dẫn chứng thực tế từ ba phương diện nhân sự hành chính, giới luật quy chế, sự nghiệp hoằng pháp của Phật Quang Sơn để giới thiệu địa vị và vai trò của nữ giới Phật giáo trong công cuộc xây dựng sự nghiệp văn hóa Phật giáo tại Phật Quang Sơn; cuối cùng luận bàn về ý nghĩa thời đại của quan niệm nữ giới trong Phật giáo Nhân gian. Bài viết có lập luận chặt chẽ, tư liệu xác thực, quan điểm khách quan thỏa đáng, rất đáng để đọc.

[16] Còn gọi là "*Bát tôn sư pháp*", theo truyền thuyết là tám điều giới pháp mà Đức Phật chế định dành cho các vị tỳ-kheo-ni kính trọng tỳ-kheo, bao gồm: (1) Tỳ-kheo-ni dẫu lạp thọ một trăm tuổi cũng phải đảnh lễ vị tỳ-kheo mới thọ giới hạ; (2) Không được mắng mỏ, phỉ báng tỳ-kheo; (3) Không được chỉ trích lỗi lầm của tỳ-kheo; (4) Thọ cụ túc giới trước chư Tăng; (5) Có lỗi phải trước chư Tăng sám hối; (6) Nửa tháng phải cầu xin sự giáo giới từ chư Tăng; (7) An cư kiết hạ ba tháng dưới sự y chỉ của chư Tăng; (8) Khi kết thúc an cư kiết hạ phải ra trước chư Tăng tác pháp tự tứ. (Các kinh Trường A-hàm quyển 28, Đại á đạo bích khưu ni kinh quyển thượng, Tỳ-ni mẫu kinh quyển 1, v.v.).

Pháp sư Chiêu Tuệ – sáng lập viên Học viện Phật giáo Hoằng Thệ – chủ trương rằng "*Bát kính pháp không phải do Phật chế*", và vào tháng 3 năm 2001, tại Đài Bắc, nhân buổi lễ chúc thọ lần thứ 96 của pháp sư Ấn Thuận và Hội thảo khoa học "*Phật giáo nhân gian, truyền ngọn lửa nối tiếp*" lần thứ hai, ngài đã thỉnh tám vị pháp sư và cư sĩ lên bục làm chứng, sau đó dõng dạc tuyên đọc Tuyên

ngôn bãi bỏ Bát kính pháp.

Các luận bàn chi tiết có thể xem trong tập sách do Thích Chiêu Tuệ và Thích Tính Quảng biên soạn, Nxb. Pháp Giới xuất bản năm 2001, Thiên tải trầm ngâm - Tư duy về nữ giới Phật giáo trong thế kỷ mới, bao gồm các bài tham luận, báo cáo và thư tín.

Vào tháng 4 năm 2002, tại lễ khai mạc Hội thảo khoa học "*Phật giáo nhân gian, truyền ngọn lửa nối tiếp*" lần thứ ba nhân dịp chúc thọ lần thứ 97 của pháp sư Ấn Thuận, pháp sư Tinh Vân của Phật Quang Sơn đã có bài phát biểu chuyên đề Sự phát triển của Tăng đoàn tỳ-kheo-ni, bày tỏ sự ủng hộ đối với tiếng nói đòi bình đẳng nam nữ trong giáo hội, cho rằng dẫu không cố ý bãi bỏ "*Bát kính pháp*" thì nó cũng "tự nhiên sẽ vì không còn thích hợp mà dần dần thất truyền". Người viết sau đó đã viết bài Cả nhân lẫn trí chi cử (Hành động vừa nhân vừa trí) để bày tỏ sự thán phục và tán thưởng đối với hành động này (đăng trong Hoằng Thệ năm 2002, số 58 và Tạp chí học thuật Phổ Môn cùng năm, kỳ 11).

[17] Về các bài viết nghiên cứu Phật giáo ở Đại lục, xin vui lòng tham khảo công trình do giáo sư Vương Lôi Tuyền chủ biên, Nxb. Đông Chú xuất bản năm 1995, Trung Quốc đại lục tôn giáo văn chương sách dẫn (1949–1992); những năm gần đây có Niên giám nghiên cứu tôn giáo Trung Quốc các năm 1996, 1997/1998, 1999/2000 do Tào Trung Kiến chủ biên, do Nxb. Văn hóa Tôn giáo xuất bản; ngoài ra còn có bài viết của giáo sư Phương Lập Thiên đăng trong Tạp chí học thuật Phổ Môn năm 2002, số 7, Hồi dịch và triển vọng nghiên cứu Phật giáo tại Trung Quốc đại lục; về tình hình nghiên cứu Phật giáo ở Đài Loan, người viết chỉ có trong tay cuốn Mục lục bài viết tạp chí Phật giáo Đài Loan đương đại do giáo sư Đỗ Khiết Tường chủ biên, do Học viện Xã hội Nhân văn Phật Quang xuất bản.

[18] Bài trước được đăng trên Thông tấn xã Khoa học Xã hội Trung Quốc ngày 27 tháng 4 năm 1999, trang 4, mục "*Học uyển*"; bài sau được đăng trên trang web "*Quốc học · Nghiên cứu Phật giáo*".

[19] Theo những gì người viết được biết, Nxb. Chính Văn xuất bản năm 1968 tác phẩm Thuyết nhất thiết hữu bộ vi chủ đích luận thư dữ luận sư chi nghiên cứu, năm 1971 xuất bản Nguyên thủy Phật giáo thánh điển chi tích thành và Sơ kỳ Đại thừa Phật giáo chi khởi nguyên dữ khai triển, năm 1980 xuất bản Như lai tạng chi nghiên cứu, năm 1983 xuất bản bộ ba cuốn Tạp A-hàm kinh luận hội biên, ngoài ra còn có rất nhiều bài tham luận.

[20] Xung quanh người viết lúc bấy giờ chỉ có các tác phẩm: pháp sư Thánh Nghiêm trước tác, Hội Thanh niên Phật giáo Hồng Kông ấn hành năm 1991, Giới luật học cương yếu; pháp sư Huệ Mẫn trước tác, Công ty Văn hóa Pháp Cổ xuất

bản năm 1999, Giới luật dữ thiền pháp; Lao Chính Vũ trước tác, Nxb. Văn hóa Tôn giáo xuất bản năm 1999, Phật giáo giới luật học; pháp sư Chiêu Tuệ trước tác, Nxb. Pháp Giới xuất bản năm 1999, Luật học kim thuyên.

[21] Xem chi tiết trong tác phẩm Phật giáo luân lý học do pháp sư Chiêu Tuệ trước tác, Nxb. Pháp Giới xuất bản năm 2001.

***

Tác giả: 楊曾文

Việt dịch và biên tập: **Thích Vân Phong**

Nguồn: https://dlbs.liberal.ntu.edu.tw/二十一世紀的人間佛教和佛教研究